

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **204/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 11 tháng 11 năm 2020

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Út – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 497/2020/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tú N, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số 132/79/32, đường L, khóm , phường , thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Trần Duy T, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp T , xã H , thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Chị Trần Thị Tú N trình bày tại đơn khởi kiện và tại biên bản hòa giải như sau:*

- Về hôn nhân: Chị N và anh T sống chung với nhau từ năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không thể khắc phục được. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nên cuộc sống chung không hạnh phúc vợ chồng đã sống ly thân năm 2017. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Duy P, sinh năm 2015. Khi ly hôn, chị N yêu cầu giao cháu P cho anh T nuôi, chị N cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

**Anh Trần Duy T trình bày tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa:*

-Về hôn nhân: Anh đồng ý với lời trình bày của chị N về thời gian sống chung không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, anh không còn tình cảm với chị N nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Duy P, sinh ngày 20/4/2015. Khi ly hôn, anh T đồng ý nhận nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Tú N xin xét xử vắng mặt .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với chị Trần Thị Tú N là nguyên đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt, cho nên Tòa án căn cứ Điều 228, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng.

Chị N và anh T xác lập mối quan hệ vợ chồng trên tinh thần tự nguyện từ năm 2014, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức.

Lý do chị N xin ly hôn do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, chị N xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cũng không mang lại hạnh phúc gia đình và anh T cũng thống nhất về việc ly hôn với chị N. Đồng thời, do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không công nhận chị N và anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Duy P, sinh ngày 20/4/2015. Khi ly hôn, anh T, chị N thỏa thuận thống nhất đồng ý giao con cho anh T nuôi con. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Thỏa thuận phù hợp nên chấp nhận yêu cầu của chị N và anh T tiếp tục giao cháu P cho anh T nuôi con, Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị N, anh T xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị N, anh T khai không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ, chồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 8, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 241 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không công nhận chị Trần Thị Tú N với anh Trần Duy T là vợ chồng.
- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Duy P, sinh ngày 20/4/2015 cho anh T nuôi con, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Tú N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị N, anh T xác định không có.
- Về nợ chung: Chị N, anh T khai không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ, chồng.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải nộp 300.000 đồng. Vào ngày 14/9/2020 chị N đã dự nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002370 được chuyển thu án phí.

Án xử công khai anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Toà án Tp Cà Mau

Đã ký

Nguyễn Thị Thắm